

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QUỐC TẾ MINH CHÂU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QUỐC TẾ MINH CHÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH CHAU INTERNATIONAL CONSULTANT AND INVESTMENT CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MINH CHAU INCONS., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109095553

3. Ngày thành lập: 20/02/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 23B ngõ 5 đường Đình tổ 18, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
2.	Quảng cáo	7310
3.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
4.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn Pháp luật và tư vấn tài chính)	7020
5.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế (trừ hoạt động kế toán, kiểm toán)	6920
6.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649

10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ hoạt động đấu giá độc lập;)	8299
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá)	4610
12.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
13.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
14.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
15.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
16.	Cho thuê xe có động cơ	7710
17.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
20.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
24.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
27.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về công nghệ khác;	7490
28.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
29.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
30.	Xây dựng nhà để ở	4101
31.	Xây dựng nhà không để ở	4102
32.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
33.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

34.	Xây dựng công trình điện	4221
35.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
36.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
37.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
38.	Xây dựng công trình thủy	4291
39.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
40.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
41.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
42.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: + Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; + Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; + Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. - Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình. Lập quy hoạch xây dựng. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Quản lý dự án đầu tư xây dựng. Giám sát thi công xây dựng công trình. Kiểm định xây dựng. Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.	7110(Chính)
43.	Phá dỡ	4311
44.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
45.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
46.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
47.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
48.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
49.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

50.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
51.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
52.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
53.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động của nhà đấu giá (bán lẻ)).	4774
54.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ);).	4799
55.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
56.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
57.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
58.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
59.	Đại lý du lịch	7911
60.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Dịch vụ lữ hành nội địa - Dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
61.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
62.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
63.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
64.	Bán mô tô, xe máy (trừ đấu giá)	4541
65.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
66.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
67.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
68.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4530
69.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
70.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4511
71.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
72.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đấu giá)	4543
73.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
74.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392

75.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
76.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
77.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
78.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn cao su Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
79.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
80.	Đúc kim loại màu (trừ sản xuất vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2432
81.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
82.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
83.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
84.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ XUÂN THÀNH	Thôn Phú Lương Hạ, Xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	540.000	5.400.000.000	60,000	025081000214	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	540.000	5.400.000.000	60,000		
2	ĐẶNG THỊ HƯƠNG	Thôn Phú Lương Hạ, Xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	10,000	035183000393	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	10,000		

3	LÊ VĂN NGUYỄN	Thôn Phú Lương Thượng, Xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	270.000	2.700.000.000	30,000	001087008757
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	270.000	2.700.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ VĂN NGUYỄN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/03/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001087008757

Ngày cấp: 19/10/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Phú Lương Thượng, Xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Phú Lương Thượng, Xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội